TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33 /2023/HSST.
Ngày: 09/06/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông **Trương Văn Biểu.**

Các Hội thẩm nhân dân : Bà **Phan Thị Thanh Dung**.

Ông **Ngô Ánh Khôi**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Phượng –** Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36 /2023/TL-HSST ngày 28 tháng 04 năm 2023 ; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 05 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ tên: **Trần Đình T**, sinh ngày: 03/06/1999.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Q.

Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12.

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Họ và tên cha: Trần Đình T, sinh năm: 1964.

Họ và tên mẹ: Huỳnh Thị T, sinh năm: 1960.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú", hiện có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại**: Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm: 1993. Trú tại: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1971, trú tại: khối 3, phường Q, thành phố I, tỉnh Y. Vắng mặt

+ Bà Hồ Thị N, sinh năm: 1979, trú tại: thôn F, xã I, huyện G, tỉnh Ư. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 16/12/2022, Trần Đình T đến nhà bạn gái là Nguyễn Thị Ái T (sinh năm 2000, trú tại: Thôn L, xã O, huyện Ih, tỉnh Q) để chơi nhưng T không có nhà chỉ có ba, mẹ Tđang làm vườn.

Thư ngồi chơi khoảng 30 phút thì đi tắm nhưng nhà T không có dầu gội đầu nên T đi bộ qua nhà bà Nguyễn Thị Mỹ L (sinh năm 1993) cách nhà T khoảng 30 mét để xin dầu gội. Lúc này, nhà bà L không có ai ở nhà. T thấy cửa chính vào nhà bà L đóng nhưng không khóa nên tự mở cửa để đi vào. T đi ngang qua phòng ngủ của bà L nhìn thấy một túi xách màu đen để trên giường nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. T vào phòng ngủ rồi mở túi xách ra coi thì thấy bên trong có một máy tính xách tay hiệu HP, hình nền của máy là ảnh con gái chị L. T lấy máy tính cùng dây sạc pin bỏ vào túi xách rồi đem về cất giấu tại phòng ngủ của T. Sau đó, T hỏi mượn xe mô tô BKS: 92N1-12345 của bà Hồ Thị N (mẹ của T) để đi T có công chuyện và điều khiển xe mang theo túi xách cùng máy tính đến tiệm cầm đồ Bin của bà Nguyễn Thị M tại địa chỉ TH, phường A, thành phố T, tỉnh Q, nói dối là máy tính của mình cần tiền nên đem đi cầm. Bà M kiểm tra thấy máy tính còn dùng được và không có mã bảo vệ nên đồng ý cầm máy tính cho T với giá 3.500.000 đồng và viết cho T một giấy biên nhận. T cầm tiền và giấy biên nhận đi về. Số tiền sau khi cầm máy tính, T đã tiêu xài cá nhân hết 2.800.000 đồng.

Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, bà L đi làm về thì phát hiện tài sản bị mất trộm. Ngày 20/12/2022, bà L có đơn trình báo Cơ quan Công an. Cùng ngày, Công an xã T mời Trần Đình T về trụ sở làm việc. Quá trình làm việc, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp 01 (một) giấy biên nhận của Dịch vụ cầm đồ Bin số 000083930 cùng số tiền 700.000 đồng. Cơ quan Công an đã tới tiệm cầm đồ làm việc với bà Nguyễn Thị M và tạm giữ 01 máy tính xách tay hiệu HP màu xám cùng 01 túi xách màu đen do bà M giao nộp. Bà M khai nhận, đây là tài sản bà nhận cầm cố cho một người thanh niên tên "Tổng" vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 16/12/2022 với giá 3.500.000 đồng .

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 65/2022/KL-GTS ngày 27/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Núi Thành kết luận: một máy tính xách tay nhãn hiệu HP Pavilion, màu xám, một dây sạch pin máy tính mua năm 2020, một túi xách màu đen, các tài sản đã qua sử dụng, giá trị thiệt hại 12.600.000 đồng (*mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Tại cáo trạng số 45/CT-VKS-NT ngày 27/04/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành truy tố bị cáo Trần Đình T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Đình T về tội "*Trộm cắp tài sản*", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Thư từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Về dân sự: Bà Nguyễn Thị Mỹ L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị bị cáo bồi thường. Bà Nguyễn Thị M đã nhận lại số tiền 3.500.000 đồng cầm laptop cho Thư và không có yêu cầu gì thêm.

Về vật chứng: - 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu HP pavilion, màu xám (kèm theo dây sạc pin) và 01 túi xách màu đen là tài sản cá nhân của bà Nguyễn Thị Mỹ L nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Núi Thành đã trả lại cho bà L.

- Số tiền 700.000 đồng, đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Công an huyện Núi Thành mở tại kho bạc nhà nước huyện Núi Thành.

Tại phiên tòa và lời nói sau cùng, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Núi Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, kết quả định giá tài sản và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên toà, có đủ căn cứ xác định, Vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 16/12/2022, tại thôn L, xã T, huyện J, tỉnh Q, lợi dụng việc sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản, Trần Đình T đã lén lút lấy trộm 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu HP pavilion, màu xám, (kèm một dây sạc máy tính) và 01 túi xách đựng máy tính màu đen của bà Nguyễn Thị Mỹ L với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 12.600.000 đồng (*mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng*).Hành vi của bị cáo T đầy đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của vụ án: Hành vi của bị cáo T đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo T là người thành niên, đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân mà cố ý thực hiện tội phạm. Vì vậy cần phải đưa ra mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo T có nhân thân tốt, sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Khắc phục hậu quả gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên áp dụng điểm b, i, s khoản 1,2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ khi quyết định hình phạt cho bị cáo là phù hợp với tính nhân đạo của pháp luật. Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo Trần Đình T hiện không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và phần dân sự: Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Núi Thành đã trả lại cho chủ sở hữu Nguyễn Thị Mỹ L 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu HP pavilion, màu xám (kèm theo dây sạc pin) và 01 túi xách màu đen. Bà Nguyễn Thị M đã nhận lại số tiền 3.500.000 đồng cầm laptop cho Thư và không có yêu cầu gì thêm (BL 36, 46), bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết. Số tiền 700.000 đồng, đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Công an huyện Núi Thành mở tại kho bạc nhà nước huyện Núi Thành tịch thu xung công quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Các vấn đề khác có liên quan: Đối với Nguyễn Thị M - chủ tiệm cầm đồ Bin 209 là người cầm tài sản do bị can phạm tội mà có nhưng khi cầm đồ Mai không biết đây là tài sản phi pháp, quá trình điều tra chưa chứng minh được nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Núi Thành không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với M là phù hợp.

Đối với xe mô tô BKS: 92N1-536.01 là tài sản của Hồ Thị N, khi bị cáo sử dụng để đem tài sản trộm được đi cầm đồ bà N không được biết gì. Do vậy, Cơ quan CSĐT không tiến hành thu giữ xe mô tô trên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo **Trần Đình T** phạm tội **"*Trộm cắp tài sản*".**

Xử phạt bị cáo: Trần Đình T **09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18 (mười tám) tháng**, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Đình T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo thu được từ hành vi trộm cắp tài sản mà có là 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*).

(*Số tiền 700.000 đồng được nộp vào tài khoản số 3949.0.9042536.00000 tại KBNN Núi Thành của Công an huyện Núi Thành theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 04/05/2023)*

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng).*

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo , bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm ./.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- THADS huyện Núi Thành;
- Công an huyện Núi Thành;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trương Văn Biểu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**